

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 12 -2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thụy Hải Yên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Tấn Lợi;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1978; Trú tại: Khu phố 3, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1974; Trú tại: Khu phố 3, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Trần Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và Chị Nguyễn Thị K tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống về sau vợ chồng không còn cùng chung quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Anh, chị sống ly thân đã 11 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên anh H yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Y, sinh năm 1995; Trần Hải V, sinh năm 1999 và Trần Đào Quốc T, sinh năm 2000. Con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình làm việc tại tòa án – Chị Nguyễn Thị K trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về quan hệ hôn nhân và thời gian đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh chị sống ly thân đến nay đã 11 năm. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Y, sinh năm 1995; Trần Hải V, sinh năm 1999 và Trần Đào Quốc T, sinh năm 2000. Con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H và chị K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh Trần Văn H đối với Chị Nguyễn Thị K. Không công nhận Anh Trần Văn H và Chị Nguyễn Thị K là vợ chồng.

Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị K hiện có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp Khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh Trần Văn H và Chị Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, chị K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị K chung sống vào năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý. Anh H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không cùng chung quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau. Anh, chị sống ly thân đến nay đã 11 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên anh H yêu cầu ly hôn với chị K. Chị K cũng đồng ý ly hôn với anh H tuy nhiên do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Trần Văn H và Chị Nguyễn Thị K.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Y, sinh năm 1995; Trần Hải V, sinh năm 1999 và Trần Đào Quốc T, sinh năm 2000. Con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn H và Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Trần Văn H đối với chị Nguyễn Thị K. Không công nhận Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị K là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Y, sinh năm 1995; Trần Hải V, sinh năm 1999 và Trần Đào Quốc T, sinh năm 2000. Con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn H và Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007677 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thụy Hải Yến**